

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUANG BÌNH
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 8 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Ước

Bà Nguyễn Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Quan Thị Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị H, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú hiện nay: Đường X, phường D, quận L, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Anh Hờ A R, sinh năm 1995; địa chỉ: Đường M, phường N, quận L, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phàn Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Y, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 16/02/2022, Bản tự khai và Bản trình bày ý kiến ngày 24/5/2022, Văn bản trình bày ý kiến ngày 27/6/2022, tài liệu kèm theo đơn, nguyên đơn là chị Triệu Thị H khai rằng ngày 11/6/2011, chị H và anh Phàn Văn

T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Thôn Y, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang và có hai con chung là Phan Mạnh C, sinh ngày 22/8/2010 và Phan Mạnh P, sinh ngày 11/5/2015. Hiện cả hai cháu đều đang ở với anh Phan Văn T tại Thôn Y, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Trong thời gian chung sống, anh T không chịu làm ăn và giúp đỡ chị H chăm sóc nuôi dưỡng các con, thường xuyên rượu chè, bạo lực gia đình, đánh đập chị H. Mặc dù đã được các bên nội ngoại nhiều lần khuyên bảo nhưng không được. Hiện nay, chị H đã không còn tình cảm vợ chồng với anh T, nhận thấy chị và anh T sẽ không thể tiếp tục chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị xin ly hôn anh T. Chị H đề nghị giải quyết cho vợ chồng mỗi người được nuôi một con và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng; trường hợp hai con đều lựa chọn ở với chị thì chị cũng đồng ý và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng; còn nếu hai con lựa chọn ở với anh T thì đó là quyền quyết định của hai con, chị không có ý kiến gì. Chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung và tự nguyện chịu án phí sơ thẩm.

Theo Bản tự khai ngày 07/6/2022, bị đơn là anh Phan Văn T trình bày anh và chị H không có mâu thuẫn gì. Năm 2019, vợ chồng cùng xuống Hà Nội để làm ăn. Đến năm 2020, anh T trở về nhà, còn chị H vẫn ở Hà Nội, hai vợ chồng vẫn liên lạc với nhau. Đến đầu năm 2022, anh T không rõ lý do gì mà chị H làm đơn xin ly hôn. Vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên anh T không đồng ý ly hôn. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 08/7/2022, anh T trình bày là từ lúc làm đơn xin ly hôn anh đến giờ, chị H không hề gặp anh để trao đổi trực tiếp, thể hiện không có thiện chí. Anh T không mong muốn gia đình tan vỡ nhưng thấy chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị H. Anh T và chị H có hai con chung là Phan Mạnh C và Phan Mạnh P, hiện đang sống cùng với anh T. Nếu vợ chồng ly hôn, anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Do anh T còn bận công việc làm ăn, kiếm sống nuôi hai cháu; mặt khác, bản thân chị H cũng không có thiện chí có mặt tại Tòa án để giải quyết nên anh T xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Bản tự khai nguyện vọng của con chung ngày 23/6/2022, hai con chung của chị H, anh T là Phan Mạnh C và Phan Mạnh P trình bày là không biết bố mẹ có mâu thuẫn gì không. Nếu bố mẹ ly hôn thì hai cháu muốn sống với bố, vì hiện nay các cháu vẫn đang ở cùng bố và đi học tại huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 09/8/2022, chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh T; chị H đồng ý để anh T nuôi cả hai con theo nguyện vọng của anh T và của hai con; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 09/8/2022, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Triệu Thị H là anh Hồ A R đề nghị Tòa án giải quyết

cho chị H ly hôn anh T; giải quyết cho anh T được toàn quyền nuôi dưỡng hai con theo nguyện vọng của anh T và nguyện vọng của hai con.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị H và anh Phan Văn T; giao cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là Phan Mạnh C và Phan Mạnh P, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; không xem xét giải quyết về tài sản chung, công nợ chung do đương sự không yêu cầu; chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Triệu Thị H có đơn xin ly hôn anh Phan Văn T, anh T có địa chỉ tại Thôn Y, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ, theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Triệu Thị H và anh Phan Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang, là kết hôn hợp pháp. Chị H khai là trong thời gian chung sống, anh T không chịu làm ăn và giúp đỡ chị chăm sóc nuôi dưỡng các con, thường xuyên rượu chè, bạo lực gia đình, đánh đập chị, nhưng ngoài lời khai ra thì chị H không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì. Trong khi đó, anh Phan Văn T trình bày anh và chị H không có mâu thuẫn gì; hai con chung của chị H, anh T là Phan Mạnh C và Phan Mạnh P trình bày là không biết bố mẹ có mâu thuẫn gì không. Mặt khác, theo kết quả xác minh tại thôn Y, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang là nơi vợ chồng chị H, anh T sống sau khi kết hôn, thì trưởng thôn cho biết việc vợ chồng chị H, anh T có mâu thuẫn hay không và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì không thấy gia đình báo cho thôn, thôn không nắm được; thôn cũng không nhận được báo cáo hay phản ánh gì về việc anh Phan Văn T có hành vi đánh đập, bạo lực đối với chị Triệu Thị H. Do đó, không đủ căn cứ để khẳng định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là như chị H đã khai.

[4] Tuy nhiên, chị H khai là đã không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên xin ly hôn anh T; còn anh T khai là không mong muốn gia đình tan vỡ nhưng thấy chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị H. Như vậy, giữa chị H và anh T không còn tình nghĩa vợ chồng như quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình nữa nên cần căn cứ các điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình để công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T.

[5] Về con chung: Anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; hai con chung của chị H và anh T đều có nguyện vọng được ở với bố, nếu bố mẹ ly hôn. Khi khởi kiện, chị H đề nghị giải quyết cho vợ chồng mỗi người được nuôi một con và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng; trường hợp hai con đều lựa chọn ở với chị thì chị cũng đồng ý và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng; còn nếu hai con lựa chọn ở với anh T thì đó là quyền quyết định của hai con, chị không có ý kiến gì. Sau đó, chị H có ý kiến đồng ý để anh T nuôi cả hai con, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của con chung và ý kiến của các đương sự, cần căn cứ các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho anh T trực tiếp nuôi hai con chung là Phan Mạnh C, sinh ngày 22/8/2010 và Phan Mạnh P, sinh ngày 11/5/2015; chị H không phải đóng góp cho anh T tiền cấp dưỡng cho con; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[7] Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238, khoản 4 Điều 147, các điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị H và anh Phan Văn T.

- Về con chung: Giao cho anh Phan Văn T trực tiếp nuôi hai con chung là Phan Mạnh C, sinh ngày 22/8/2010 và Phan Mạnh P, sinh ngày 11/5/2015; chị

Triệu Thị H không phải đóng góp cho anh Phan Văn T tiền cấp dưỡng cho con; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Triệu Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004028 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quang Bình, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mai Hồng